BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: 412/QĐ-QLD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành danh mục 246 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 98

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 246 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 98.

Điều 2. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc có trách nhiệm cung cấp thuốc vào Việt Nam theo đúng các hồ sơ tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế. Số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp phải được in lên nhãn thuốc. Số đăng ký có ký hiệu VN-.....-17 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc phải chấp hành đầy đủ pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của Bộ Y tế về nhập khẩu thuốc và lưu hành thuốc tại Việt Nam; nếu có bất cứ thay đổi gì trong quá trình lưu hành thuốc ở nước sở tại và ở Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế Việt Nam.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giám đốc nhà sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế Giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN;
- Các Công ty XNK Dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược & MP - Cục QLD;
- Lưu: VT, KDD, ĐKT(10).

PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ,
ĐIỀU HÀNH CỤC

Trương Quốc Cường
Thứ trưởng Bộ Y tế

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC 246 THUỐC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 98.

Ban hành kèm theo quyết định số: 412./QĐ-QLD, ngày 19./.9./...2017

1. Công ty đăng ký: A.Menarini Singapore Pte. Ltd. *(Đ/c: 30 Pasir Panjang Road,#08-32 Mapletree Business City, Singapore (117440) - Singapore)*

1.1 Nhà sản xuất: Berlin Chemie AG *(Đ/c: Tempelhofer Weg 83, D-12347 Berlin - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Benalapril 10 (Đóng gói & xuất xưởng: Berlin Chemie AG (Menarini Group); đ/c: Glienicker Weg 125 D-12489 Berlin- Germany)	Enalapril maleat 10mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20636-17

2. Công ty đăng ký: Abbvie BioPharmaceuticals GmbH *(Đ/c: BAAR, Neuhofstrasse 23, 6341 Baar - Switzerland)*

2.1 Nhà sản xuất: Abbvie S.r.l *(Đ/c: S.R.148 Pontina km 52, SNC - Campoverde Di Aprilia 04011 (LT) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Sevorane	Mỗi chai 250ml chứa: Sevofluran (100% v/v) 250ml	Dung dịch hít	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 250ml	VN-20637-17

2.2 Nhà sản xuất: Takeda Pharmaceutical Company Ltd. *(Đ/c: 17-85 Jusohonmachi 2-chome, Yodogawa-ku, Osaka 532-8686 - Japan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Lucrin PDS Depot 11.25mg (đóng gói: AbbVie Deutschland	Leuprorelin acetate 11,25mg	Bột pha hỗn dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 xy lanh hai ngăn chứa bột pha tiêm và	VN-20638-17

	GmbH & Co. KG, địa chỉ: Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany; xuất xưởng: AbbVie Logistics B.V, địa chỉ: Zuiderzeelaan 53, 8017 JV Zwolle, Netherlands)					dung môi	
4	Lucrin PDS Depot 3.75mg (đóng gói: AbbVie Deutschland GmbH & Co. KG, địa chỉ: Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany; xuất xưởng: AbbVie Logistics B.V, địa chỉ: Zuiderzeelaan 53, 8017 JV Zwolle, Netherlands)	Leuprorelin acetate 3,75mg	Bột pha hỗn dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 xy lanh hai ngăn chứa bột pha tiêm và dung môi	VN-20639-17

3. Công ty đăng ký: ACT Activités Chimiques et Thérapeutiques Laboratoires Sàrl) *(Đ/c: Rue d'Italie 11-1204-Geneve - Switzerland)*

3.1 Nhà sản xuất: L.Molteni & C.dei F.litti Societa di Esercizio S.p.A *(Đ/c: Strada Dtatale 67, Frazione Granatieri, 50018 Scandicci (Florence) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Methadone hydrochloride molteni	Methadon hydrochlorid 10mg/ml	Dung dịch uống	36 tháng	NSX	Chai 100 ml, 500ml, 1000ml	VN-20640-17

4. Công ty đăng ký: Actavis International Ltd *(Đ/c: BLB 016 Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN 3000 - Malta)*

4.1 Nhà sản xuất: Balkanpharma - Razgrad AD *(Đ/c: 68, Aprilsko Vastanie Blvd., 7200 Razgrad - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Cefazolin Actavis 1g	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri) 1g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	BP 2017	Hộp 10 lọ	VN-20641-17
7	Cefazolin Actavis 2g	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri) 2g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	BP 2017	Hộp 10 lọ	VN-20642-17

5. Công ty đăng ký: Aculife Healthcare Private Limited *(Đ/c: 1st floor-Nirma house, Near income Tax Circle, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, Gujarat - India)*

5.1 Nhà sản xuất: Aculife Healthcare Private Limited *(Đ/c: 5th Floor, Commerce House 5, Corporate Road, Prahladnagar, Ahmedabad 380 051, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Sterilised water for injection BP	Nước vô khuẩn 10ml	Dung môi pha tiêm	60 tháng	BP 2014	Hộp 50 ống x 10ml	VN-20643-17

6. Công ty đăng ký: Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 304, Mohan Place, L.S.C., Block C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034 - India)*

6.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 2-5, Sector-6B, I.I.E, SIDCUL, Ranipur, Haridwar - 249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Thermodol	Mỗi ml dung dịch chứa: Paracetamol 150mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 2ml	VN-20644-17

6.2 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 2,3,4,5, Sec-6B, IIE, SIDCUL, ranipur, Haridwar-249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Akutim	Mỗi 5ml dung dịch chứa: Timolol maleat (tương đương timolol 5% w/v) 35,073mg	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ x 5ml	VN-20645-17

7. Công ty đăng ký: Alkem Laboratories Ltd. *(Đ/c: Alkem House, Devashish , Senapati Bapat Marg, Lower Parel - 400 013 - India)*

7.1 Nhà sản xuất: Alkem Laboratories Ltd. *(Đ/c: Village Thana, Baddi, Dist. Solan. (HP) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Cetrikem 10	Cetirizin hydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2014	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20646-17

8. Công ty đăng ký: APC Pharmaceuticals & Chemical Limited *(Đ/c: 19/F, Chung Hing Commercial BLDG. 62-63 Connaught Road Central, Central - Hong Kong)*

8.1 Nhà sản xuất: Amanta Healthcare Limited. *(Đ/c: 876, NH No. 8, Vill. Hariyala, Tal. Matar, Dist. Kheda-387411, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Lidocaine Injection BP 1% w/v	Mỗi 5ml dung dịch chứa: Lidocaine hydrochloride 50mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	BP 2016	Hộp 50 ống x 5ml	VN-20647-17

8.2 Nhà sản xuất: Mylan Laboratories Limited *(Đ/c: F-4 & F-12, MIDC, Malegaon, Sinnar, Nashik-422113, Maharashtra - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Komefan 140	Artemether 20mg; Lumefantrin 120mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ 6 viên; Hộp 2 vỉ 6 viên; Hộp 3 vỉ 6 viên	VN-20648-17
14	Komefan 280	Artemether 40mg; Lumefantrin 240mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 12 viên	VN-20649-17
15	Lamivudine Tablets 150mg	Lamivudine 150mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 60 viên	VN-20650-17

9. Công ty đăng ký: Aristo Pharmaceuticals PVT.LTD. *(Đ/c: 23-A, Shah Industrial Estate, Off Veera Desai road, Andheri (W) Mumbai - 400 053. - India)*

9.1 Nhà sản xuất: Aristo Pharmaceuticals limited *(Đ/c: Plot No. 208, New Industrial area No. II, (District) Raisen, mandideep 462 046, Madhya Pradesh. - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	Methylcobalamin injection 500mcg	Methylcobalamin 500mcg	Dung dịch tiêm	18 tháng	NSX	Hộp 1 ống x 1ml	VN-20651-17

10. Công ty đăng ký: AstraZeneca Singapore Pte., Ltd. *(Đ/c: 8 Wilkie Road, #06-01 Wilkie Edge, 228095 - Singapore)*

10.1 Nhà sản xuất: AstraZeneca UK Limited *(Đ/c: Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK10 2NA - UK)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Iressa	Gefitinib 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên	VN-20652-17

11. Công ty đăng ký: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Plot No. 2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038, Telangana State - India)*

11.1 Nhà sản xuất: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Unit III, Survey No 313 & 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Telangana State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Aurozapine OD 30	Mirtazapine 30mg	Viên nén phân tán	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 6 viên	VN-20653-17
19	Viên nén Lamivudin 150 mg	Lamivudin 150mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 60 viên	VN-20654-17

12. Công ty đăng ký: Axon Drugs Private Ltd. *(Đ/c: 148/12B, Chennai - Bangalore Highway, Chembarambakkam, 602 103, Tamilnadu - India)*

12.1 Nhà sản xuất: Axon Drugs Pvt Ltd. *(Đ/c: 148/12B, Chennai - Bangalore Highway, Chembarambakkam, 602 103, Tamilnadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
20	Protopan-40	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20655-17

13. Công ty đăng ký: B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd. *(Đ/c: Bayan Lepas Free Industrial Zone, Plot 164, Phase 2, 11900 Bayan Lepas, Pulau Pinang - Malaysia)*

13.1 Nhà sản xuất: B.Braun Melsungen AG *(Đ/c: Carl - Braun - Straße 1, 34212 Melsungen - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Lipidem	Mỗi 100ml chứa: Mediumchain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid	Nhũ tương tiêm truyền	12 tháng	NSX	Hộp 10 chai 250ml	VN-20656-17

22	Nutriflex Lipid Special	Mỗi 625 ml chứa: Isoleucin 2,06g; Leucin 2,74g; Lysin (dưới dạng Lysin hydroclorid) 1,99g; Methionin 1,71g; Phenylalanin 3,08g; Threonin 1,59g; Tryptophan 0,5g; Valin 2,26g; Arginin 2,37g; Histidin (dưới dạng Histidin hydroclorid monohydrate) 1,1g; Alanin 4,25g; Acid aspartic 1,32g; Acid glutamic 3,07g; Glycin 1,45g; Prolin 2,98g; Serin 2,63g; Natri hydroxid 0,732g; Natri clorid 0,237g; Natri acetat trihydrat 0,157g; Kali acetat 2,306g; Magnesium acetat tetrahydrat 0,569g; Calcium clorid dihydrat 0,39g; Glucose (dưới dạng Glucose monohydrate) 90,0g; Natri dihydrogenphosphat dihydrat 1,56g; Kẽm acetat dihydrat 4,39mg; Soya-bean oil, refined 12,5g; Medium-chain triglycerides 12,5g	Nhũ tương tiêm truyền	12 tháng	NSX	Hộp 5 túi 625ml (túi chia 3 ngăn)	VN-20657-17

14. Công ty đăng ký: Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd. *(Đ/c: 150 Beach Road #30-01/08 Gateway West, Singapore 189720 - Singapore)*

14.1 Nhà sản xuất: Baxter Oncology GmbH. *(Đ/c: Kantstrasse 2, D-33790 Halle. - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Uromitexan	Mesna 400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền	60 tháng	NSX	Hộp 15 ống 4ml	VN-20658-17

15. Công ty đăng ký: Bayer (South East Asia) Pte, Ltd. *(Đ/c: 63 Chulia # 14-00, Singapore (049514) - Singapore)*

15.1 Nhà sản xuất: Schering Do Brasil, Quimica E Farmacêutica Ltda *(Đ/c: Rua Cancioneiro de E'vora, no.255, Santo Amaro-São Paulo-SP - Brasil)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Provironum	Mesterolone 25mg	Viên nén	60 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20659-17

16. Công ty đăng ký: Bluepharma- Industria Farmaceutica, S.A. *(Đ/c: Rua Bayer 16, 3045-016 Sao Martinho do Bispo-Coimbra - Portugal)*

16.1 Nhà sản xuất: Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra) *(Đ/c: São Martinho do Bispo, 3045-016 Coimbra, - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Bluecezin	Cetirizin dihydrochlorid 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2, 10 vỉ x 10 viên	VN-20660-17

17. Công ty đăng ký: Boehringer Ingelheim International GmbH *(Đ/c: Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim am Rhein - Germany)*

17.1 Nhà sản xuất: Delpharm Reims *(Đ/c: 10 rue Colonel Charbonneaux, 51100 Reims - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Buscopan	Hyoscin butylbromid 10mg	Viên nén bao đường	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 20 viên; 1 vỉ x 10 viên; 2 vỉ x 10 viên; 5 vỉ x 10 viên; 10 vỉ x 10 viên	VN-20661-17

18. Công ty đăng ký: Brawn Laboratories Ltd *(Đ/c: Delhi Stock Exchange Building 4/4B Asaf Ali Road, New Delhi 110002 - India)*

18.1 Nhà sản xuất: Brawn Laboratories Limited *(Đ/c: 13, NIT, Industrial Area, Faridabad-121001 Haryana - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Albendazole Tablets 400mg	Albendazol 400mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-20662-17

19. Công ty đăng ký: Cadila Healthcare Ltd. *(Đ/c: Zydus Tower. Satellite Cross Road, Ahmedabad 380 015 - India)*

19.1 Nhà sản xuất: Cadila Healthcare Limited *(Đ/c: Plot No. 417, 419, 420, Sarkhej Bavla National High way No. 8A, Village- Moraiya, Tal- Sanand, Dist: Ahmedabad, 382 210 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Risponz 2	Risperidon 2mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20663-17

20. Công ty đăng ký: Cadila Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: Sarkhej Dholka Road, Bhat - Ahmedabad, 382210, Gujarat - India)*

20.1 Nhà sản xuất: Cadila Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: 1389, Trasad Road, Dholka- 382225, Distric: Ahmedabad, Gujarat State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Zealargy	Rupatadin (dưới dạng rupatadin fumarat) 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20664-17

21. Công ty đăng ký: Celltrion pharm, Inc *(Đ/c: 17F, Dacom B/D, 306, Teheran-Ro, Gangnam-gu, Seoul - Korea)*

21.1 Nhà sản xuất: ExtractumPharma Co. Ltd. *(Đ/c: 6413, Kunfehértó, IV. Korzet 6 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Drotavep 40mg tablets	Drotaverin hydrochlorid 40mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên\	VN-20665-17

21.2 Nhà sản xuất: Korea Pharma Co., Ltd. *(Đ/c: 87, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
31	Kemiwan	Acetaminophen 325mg; Tramadol HCl 37,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên. Lọ 100 viên	VN-20666-17

22. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm TW Codupha Hà Nội *(Đ/c: Số 16 ô C2/NO Khu Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

22.1 Nhà sản xuất: Sopharma AD *(Đ/c: 16, Iliensko Shosse str., 1220 Sofia - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Vasopren 10mg	Enalapril maleat 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20668-17

22.2 Nhà sản xuất: Sopharma AD *(Đ/c: Vrabevo vlg, 5660 district of Lovech - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Ambixol 15mg/5ml syrup	Mỗi 5ml sirô chứa: Ambroxol hydrochlorid 15mg	Si rô	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100 ml	VN-20667-17

23. Công ty đăng ký: Cipla Ltd. *(Đ/c: Cipla House, Peninsula Business Park, Ganpatrao, Kadam Marg. Lower Parel, Mumbai 400013 - India)*

23.1 Nhà sản xuất: Cipla Ltd. *(Đ/c: L-139 to L-146, Vernal Industrial Estate, Verna Goa - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Thuốc phun mù dùng hít Duolin (Không có CFC)	Mỗi liều xịt chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulphat) 100mcg; Ipratropium bromid 20mg	Thuốc phun mù dùng hít trong bình định liều	24 tháng	NSX	Hộp 1 bình xịt 200 liều	VN-20669-17

24. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Đại Nam *(Đ/c: 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

24.1 Nhà sản xuất: JSC "Kraspharma" *(Đ/c: 2, 60 let Oktyabrya St., Krasnoyarsk 660042 - Russia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
35	Amikacin	Amikacin (dưới dạng amikacin sulfat) 500mg	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VN-20670-17

25. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân *(Đ/c: 22 Hồ Biểu Chánh, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

25.1 Nhà sản xuất: Klonal S.R.L *(Đ/c: Lamadrid 802, Quilmes, Province of Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Klopenem 1g	Mỗi lọ chứa:	Bột pha	36	USP3	Hộp 1 lọ, 42 lọ	VN-20671-17

		Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydat) 1000mg	tiêm	tháng	8		

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội *(Đ/c: 170 La Thành, Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

26.1 Nhà sản xuất: Osaka Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: Old National Highway No. 8, Sankarda, Dist. Vadodara-391 350, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Ifen	Mỗi 60ml hỗn dịch chứa: Ibuprofen 1,2g	Hỗn dịch uống	24 tháng	BP2016	Hộp 1 chai 60ml	VN-20672-17

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ *(Đ/c: Số 1-3, Lô C, Cư xá Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

27.1 Nhà sản xuất: NOBEL ILAC SANAYII VE TICARET A.S. *(Đ/c: Sancaklar 81100 DUZCE - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Samnir 250mg/5ml	Mỗi 5ml hỗn dịch chứa: Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60ml, hộp 1 chai 100ml	VN-20673-17

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco *(Đ/c: Số 67, ngõ 68, đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

28.1 Nhà sản xuất: Anfarm Hellas S.A. *(Đ/c: Sximatari Viotias, 32009 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Nimedine	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Bột pha tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20674-17

28.2 Nhà sản xuất: PT Bernofarm *(Đ/c: Jl Gatot Subroto No. 68, Banjarkemantren KM. 18, Buduran, Sidoarjo 61252 - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Cardiv	Nicardipin hydroclorid 1mg/ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 ống 10ml	VN-20675-17

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế Việt Nam - VINAP *(Đ/c: Số 104-B12B, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

29.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19-21 Sector 6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar-249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Martinez 10	Monetlukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20676-17

30. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar *(Đ/c: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, TP. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định - Việt Nam)*

30.1 Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Deutschland GmbH *(Đ/c: FreseniusstraBe 1 D-61169 Friedberg - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Paracetamol Kabi AD	Paracetamol 10mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Lọ 100ml, Hộp 10 lọ 100ml	VN-20677-17

30.2 Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Oncology Ltd *(Đ/c: Village Kishanpura,Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN-174101 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Irinotel 100mg/5ml	Irinotecan hydroclorid trihydrat 100mg/5ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20678-17
44	Irinotel 40mg/2ml	Irinotecan hydroclorid trihydrat 40mg/2ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 2ml	VN-20679-17

30.3 Nhà sản xuất: Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A. *(Đ/c: Zona Industrial do Lagedo, 3465-157 Santiago de Besteiros - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
45	Cefepime Kabi 1g (NSX sản phẩm trung gian: Fresenius Kabi Anti-Infectives S.r.l; địa chỉ: Via S. Leonardo 23-45010 Villadose (RO), Ý)	Cefepime (dưới dạng Cefepime dihydrochloride monohydrate) 1g	Bột pha dung dịch tiêm/truyền	24 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20680-17

31. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Fulink Việt Nam *(Đ/c: Số 96, ngõ 192 phố Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

31.1 Nhà sản xuất: Eirgen Pharma Limited *(Đ/c: 64/66 Westside Business Park Old Kilmeaden Road, Waterford - Ireland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Cathy-K	Anastrozole 1mg	Viên nén bao phim	41 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20681-17

31.2 Nhà sản xuất: Laboratoires Pharamceutiques Trenker NV/SA *(Đ/c: 480-482, avenue Dolez-BE-1180 Bruxelles - Belgium)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	Ferricure 100mg/5ml	Sắt nguyên tố (dưới dạng polysaccharide iron complex) 100mg	Dung dịch uống	60 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60ml	VN-20682-17

32. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Song Sơn *(Đ/c: Số 20 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

32.1 Nhà sản xuất: JSC "Kievmedpreparat" *(Đ/c: 139, Saksahanskogo St., Kyiv, 01032 - Ukraine)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

48	Ceftum	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidime pentahydrate và natri carbonat) 1g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VN-20683-17
49	Kimacef	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 1,5g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20684-17

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thiết bị T&T *(Đ/c: Lô 13, khu tập thể công ty Công nghệ phẩm, phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

33.1 Nhà sản xuất: J.Uriach and Cia., S.A. *(Đ/c: Avda. Cami Reial, 51-57 08184-Palau- Solita i Plegamans (Barcelona), Espana - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Pletaz 100mg Tablets	Cilostazol 100mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x10 viên	VN-20685-17

33.2 Nhà sản xuất: J.Uriach Y Compania, S.A. *(Đ/c: Avda. Cami Reial, 51-57 08184 Palau-Solita i Plegamans (Barcelona) - Espana/Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Leracet 500mg Film-coated tablets	Levetiracetam 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20686-17

34. Công ty đăng ký: Công ty CP dược phẩm Pha No *(Đ/c: 31 Hồ Biểu Chánh, P.12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

34.1 Nhà sản xuất: Laboractorios Normon S.A. *(Đ/c: Ronda de valdecarrizo, 6-28760 Tres cantos (Madrid) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Mezamo 40mg	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha dịch truyền TM	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20687-17

34.2 Nhà sản xuất: Laboratorios Normon, S.A. *(Đ/c: Ronda de Valdecarrizo, 6-28760 Tres cantos (Madrid) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Santasetron 1mg/1ml	Granisetron (dưới dạng Granisetron HCl) 1mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 50 ống x 1ml	VN-20688-17
54	Santasetron 3mg/3ml	Granisetron (dưới dạng Granisetron HCl) 3mg/3ml	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 50 ống x 3ml	VN-20689-17

35. Công ty đăng ký: Công ty CPDP Ta Da *(Đ/c: 44A ĐInh Công Tráng, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

35.1 Nhà sản xuất: Savior Lifetec Corporation *(Đ/c: 29, Kejhong Road, Chu-Nan Site, Hsinchu Science-Based Industrial Park, Hsinchu, Miao-Li County, TW-350 - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Homepen 500mg/vial	Meropenem 500mg	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20690-17

36. Công ty đăng ký: Công ty CPTM Nguyễn Danh *(Đ/c: Tầng 3, phòng B2, số 200 Quang Trung, P. Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

36.1 Nhà sản xuất: S.C. Laropharm S.R.L *(Đ/c: 145 A Soseaua Alexandriei, Bragadiru, Ilfov- - Romania)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Angonic 5mg	Enalapril maleat 5mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x20 viên	VN-20691-17

37. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Bình Việt Đức *(Đ/c: 62/36 Trương Công Định, P. 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

37.1 Nhà sản xuất: Hameln Pharmaceuticals GmbH *(Đ/c: Langes Feld 13 Hameln 31789 - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Rocuronium-hameln 10mg/ml	Rocuronium bromide 10mg/ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ x 2,5ml	VN-20692-17

38. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DKSH Việt Nam *(Đ/c: Số 23 Đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

38.1 Nhà sản xuất: Nang Kuang Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: No. 1001, Zhongshan Rd., Xinhua Dist., Tainan City - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
58	Isotera Injection Concentrate 20mg/ml	Docetaxel (dưới dạng docetaxel trihydrat) 80mg/4ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 4ml	VN-20693-17

39. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DKSH Việt Nam *(Đ/c: Số 23 Đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

39.1 Nhà sản xuất: Taiho Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194 - Japan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	TS-One capsule 25	Tegafur 25mg; Gimeracil 7,25mg; Oteracil kali 24,5mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 14 viên	VN-20694-17

40. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Bách Việt *(Đ/c: Số 146 ngõ 230 Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

40.1 Nhà sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH *(Đ/c: Am Pharmapark, 06861, Dessau, Roßlau - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Oxaliplatin Medlac	Oxaliplatin 150mg	Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch	48 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20695-17

40.2 Nhà sản xuất: Rafarm S.A. *(Đ/c: Thesi Pousi-Xatzi Agiou Louka, Paiania Attiki 19002, P.O. Box 37 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Aceclonac	Aceclofenac 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 10 viên	VN-20696-17

40.3 Nhà sản xuất: SMB Technology S.A *(Đ/c: Rue du Parc Industriel 39, B-6900 Marche-en-Famenne - Belgium)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	D-Cure 25.000 IU	Mỗi 1 ml dung dịch chứa: Cholecalciferol (tương đương 25.000IU Vitamin D3) 0,625mg	Dung dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 4 ống x 1ml	VN-20697-17

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Châu Á - Thái Bình Dương *(Đ/c: Số 113 đường Y Ngông, Phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lăk - Việt Nam)*

41.1 Nhà sản xuất: Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development zone, Hebei - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Sodium Chloride Injection 0,9%	Natri chlorid 4,5g/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	BP 2014	Chai nhựa 500ml	VN-20698-17

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm DO HA *(Đ/c: Số 30, Tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

42.1 Nhà sản xuất: PT Pertiwi Agung *(Đ/c: Jl. DDN, Desa Sukadanau, Cibitung, Bekasi - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Lodsan	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg	Viên nén bao phimn	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20699-17

42.2 Nhà sản xuất: S.C. Antibiotice S.A. *(Đ/c: 1 Valea Lupului Street Zip code 707410, Iasi - Romani)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Axuka	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin natri) 1000mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 50 lọ	VN-20700-17

42.3 Nhà sản xuất: S.C. Antibiotice S.A. *(Đ/c: 1th Valea Lupului Street Zip code 707410, Iasi - Romani)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Cefanew	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat) 500mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VN-20701-17
67	Lisinopril ATB 10mg	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 10mg	Viên nén	48 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20702-17
68	Lotafran	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 20mg	Viên nén	48 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20703-17

43. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hân *(Đ/c: Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà City View, số 12 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

43.1 Nhà sản xuất: Hanlim Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 2-27, Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Dilorop Eye Drops	Diclofenac Natri	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20704-17

43.2 Nhà sản xuất: Hyundai Pharm. Co., Ltd *(Đ/c: 55, Jandari-gil, Pungse-myeon, Cheonan-si, Chungcheongnam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
70	Minoxyl Solution 3%	Minoxidil 3g/100ml	Dung dịch dùng ngoài	30 tháng	USP 38	Hộp 1 chai 60ml	VN-20705-17

43.3 Nhà sản xuất: Korean Drug Co., Ltd. *(Đ/c: 69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Pregarin Cap 150mg	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20706-17

43.4 Nhà sản xuất: Myung-In Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 186-1 Noha-Ri, Paltan-Myun, Hwasung-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Promag	Magnesi Valproat 200mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20707-17

43.5 Nhà sản xuất: Theragen Etex Co., Ltd *(Đ/c: 58, Sandan-ro 68 Beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Flotaxime Tab.	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20708-17

44. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Nhân Tâm *(Đ/c: 90A/B 48 bis Lý Thường Kiệt, Ph. 14- Q. 10 - TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)*

44.1 Nhà sản xuất: Apotex Inc. *(Đ/c: 150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9 - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Apo-Trihex 2mg	Trihexyphenidyl hydroclorid 2mg	Viên nén	60 tháng	USP 38	Lọ 500 viên	VN-20709-17

45. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh *(Đ/c: 122/7-9 Đặng Văn Ngữ, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

45.1 Nhà sản xuất: Remedica Ltd. *(Đ/c: Aharnon Street, Limassol Industrial Estate, 3056 Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Propain	Naproxen 500mg	Viên nén	60 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20710-17

46. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Thiên Thảo *(Đ/c: 28/178, Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam)*

46.1 Nhà sản xuất: Tedec-Meiji Farma, SA *(Đ/c: Carretera M-300, Km 30,500, 28802 Alcala De Henares (Madrid) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
76	Meileo	Acyclorvir 25mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 5 ống 10ml	VN-20711-17

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Thiết bị y tế Âu Việt *(Đ/c: Số 16 đường 266, P6, Q.8, TP. HCM - Việt Nam)*

47.1 Nhà sản xuất: Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 146/23 Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
77	Deslet	Desloratadine 30mg/60ml	Si rô	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60ml	VN-20712-17

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô *(Đ/c: Số 53, ngõ 178/1 Đường Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội - Việt Nam)*

48.1 Nhà sản xuất: Cooper Pharmaceuticals S.A. *(Đ/c: 64 Aristovoulou Str, 11853 Athens -)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: ciprofloxacin (dưới dạng	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	VN-20713-17

		ciprofloxacin lactat) 2mg					
79	Nafloxin solution for infusion 400mg/200ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat) 2mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Chai 200ml, hộp 1 chai 200ml	VN-20714-17

48.2 Nhà sản xuất: Remedica S.A. *(Đ/c: 23 Gounari & Areos Str., 13451 Kamatero - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
80	Cefin	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	BP 2017	Hộp 10 lọ	VN-20715-17
81	Receant	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha tiêm	24 tháng	BP 2017	Hộp 50 lọ	VN-20716-17

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Toàn Chân *(Đ/c: 309/11 Bis Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM - Việt nam)*

49.1 Nhà sản xuất: Balkanpharma - Dupnitsa AD *(Đ/c: 3, Samokovsko shosse Str., Dupnitsa 2600 - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
82	Lercatop 10mg	Lercanidipin hydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20717-17

50. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê *(Đ/c: B2, lô 15, Khu đô thị mới Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

50.1 Nhà sản xuất: Incepta Pharlaceutical Ltd *(Đ/c: Dewan Idris Road, Zirabo, Savar, Dhaka - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Ceutocid 200 Capsule	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 10 viên	VN-20718-17

51. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê *(Đ/c: Lô D3/D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

51.1 Nhà sản xuất: Incepta Pharlaceutical Ltd *(Đ/c: Dewan Idris Road, Zirabo, Savar, Dhaka - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
84	Wintovas 10 Tablet	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20719-17

52. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp *(Đ/c: Số 11B, phố Hoa Bằng, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

52.1 Nhà sản xuất: Mitim s.r.l. *(Đ/c: Via Cacciamali, 34/38-25125, Brescia - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
85	Ceftriaxon Stragen 2g	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 2g	Bột pha dung dịch tiêm	30 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20720-17

53. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Vietsun *(Đ/c: TT2 - B42 Khu đô thị Văn Quán, P. Phúc La, Q. Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

53.1 Nhà sản xuất: Incepta Pharlaceutical Ltd *(Đ/c: Dewan Idris Road, Zirabo, Savar, Dhaka - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Dubemin injection	Thiamin hydroclorid 100mg; Pyridoxin hydroclorid 100mg; Cyanocobalamin 1mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 3ml	VN-20721-17

54. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med *(Đ/c: 144 Bến Vân Đồn, P.6, Q.4, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

54.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19-21 Sector - 6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar-249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
87	Duraject - 60	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin HCl) 60mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20722-17

54.2 Nhà sản xuất: United Biotech (P) Limited *(Đ/c: Bagbania, Baddi-Nalagarh Road, District-Solan (HP) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
88	Zoldal	Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat) 4mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 khay nhựa 1 lọ 4mg	VN-20723-17

55. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Tâm Đan *(Đ/c: 1333 đường 31B, Khu phố An Phú An Khánh, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

55.1 Nhà sản xuất: Balkanpharma - Dupnitsa AD *(Đ/c: 3, Samokovsko shosse Str., Dupnitsa 2600 - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Valdesar Plus	Valsartan 160mg; Hydrochlorothiazid 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20724-17
90	Valdesar Plus	Valsartan 80mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20725-17

55.2 Nhà sản xuất: Douglas Manufacturing Ltd *(Đ/c: Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610 - New Zealand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Imazan	Azathioprine 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 25 viên	VN-20726-17

55.3 Nhà sản xuất: Patheon Manufaturing Services LLC *(Đ/c: 5900 Martin Luther King, Jr. Highway Greenville, North Carolina 27834 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
92	Colistimethate for Injection U.S.P.	Colistin (dưới dạng Colistimethat natri) 150mg	Bột đông khô pha tiêm	30 tháng	USP38	Hộp 1 lọ	VN-20727-17

55.4 Nhà sản xuất: Vianex S.A- Plant D' *(Đ/c: Industrial Area Patron, Agios Stefanos, Patra, Axaia, 25018 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
93	Septax	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat) 2g	Bột pha dung dịch tiêm / tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20728-17

56. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Lamda *(Đ/c: 171 Đỗ Quang, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng - Việt nam)*

56.1 Nhà sản xuất: ACS Dobfar info SA *(Đ/c: Casai CH-7748 Campascio - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
94	Goldoflo	Mỗi 40ml dung dịch chứa: Ofloxacin 200mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 10 túi dịch truyền 40ml	VN-20729-17

56.2 Nhà sản xuất: Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.) *(Đ/c: Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, 3150-194 Condeixa-a-Nova - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
95	Bosviral	Acyclorvir 800mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20730-17
96	Demosol	Acyclovir 400mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên và 1 vỉ x 5 viên	VN-20731-17

57. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV DP Việt Tin *(Đ/c: 64 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

57.1 Nhà sản xuất: Hovid Berhad *(Đ/c: Lot 56442, 7 1/2 Miles, Jalan Ipoh/Chemor, 31200 Chemor, Perak Darul Ridzuan - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
97	Calactate 300mg Tablet	Calcium lactate 300mg	Viên nén	36 tháng	BP2015	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20732-17

58. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Nhân Sinh *(Đ/c: Số 58 đường Bàu Cát 7, phường 14, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh -)*

58.1 Nhà sản xuất: Balkanpharma - Razgrad AD *(Đ/c: 68, Aprilsko Vastanie Blvd., 7200 Razgrad - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon 2g	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 5 lọ	VN-20733-17

59. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam *(Đ/c: 123 Nguyễn Khoái, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

59.1 Nhà sản xuất: Sanofi Winthrop Industries *(Đ/c: 1, rue de la Vierge, Ambares et Lagrave, 33565 Carbon Blanc Cedex - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
99	Cordarone	Amiodarone	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 6 ống x 3ml	VN-20734-17

60. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại dược phẩm quốc tế Thiên Đan *(Đ/c: 7B/27/5 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

60.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19-21 Sector - 6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar-249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
100	Unohis-8	Betahistin dihydrochlorid 8mg	Viên nén	24 tháng	BP 2014	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20735-17

61. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Thanh Danh *(Đ/c: Phòng 3, tầng 2, toà nhà TAASAH, số 749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

61.1 Nhà sản xuất: Lincoln Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Trimul Estate, Khatraj, Ta. Kalol, Dist: Gandhinagar, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
101	Odip	Domperidone 10mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20736-17

62. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TM DP Đông Phương *(Đ/c: 119, Đường số 41, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

62.1 Nhà sản xuất: Cirin Pharmaceutical (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 32/2A Phase III, Industrial Estate, Hattar - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
102	Ceplo 2g	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP38	Hộp 1 lọ	VN-20737-17
103	Fotax 2g	Cefotaxim (dưới dạng cefotaxim natri) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP38	Hộp 1 lọ	VN-20738-17

62.2 Nhà sản xuất: Drug International Limited *(Đ/c: 252, Tonggi industrial area, Tonggi, Gazipur - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
104	Cardival 80	Valsartan 80 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20739-17

62.3 Nhà sản xuất: Medica Korea Co., Ltd. *(Đ/c: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
105	Curobix	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ x 30 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20740-17

62.4 Nhà sản xuất: The IBN Sina Pharmaceutical Industry Ltd. *(Đ/c: Shafipur, Kaliakoir, Gazipur - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
106	Hyaron-400 Chewable Tablet	Albendazole 400mg	Viên nén nhai	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 1 viên. Hộp lớn chứa 50 hộp nhỏ x 1 vỉ x 1 viên	VN-20741-17

63. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TMDP Minh Quân *(Đ/c: 592/22 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

63.1 Nhà sản xuất: JSC "Farmak" *(Đ/c: 74, Frunze Str., Kiev, 04080 - Ukraine)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
107	Pectolvan Ivy	Mỗi 5 ml chứa: Cao khô lá thường xuân (4-8):1 35mg	Si rô	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100 ml	VN-20742-17

64. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt *(Đ/c: 788/2B Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

64.1 Nhà sản xuất: Yash Medicare Pvt. Ltd. *(Đ/c: Near Sabar Dairy, Talod Road, Po. Hajipur, Tal: Himatnagar, City: Hajipur-383006, Dist: Sabarkantha, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
108	Akneyash	Adapalen 30mg	Gel bôi ngoài da	36 tháng	BP 2014	Hộp 1 tuýp 30g	VN-20743-17

65. Công ty đăng ký: Công ty TNNH TM DP Vân Hồ *(Đ/c: 16/38, ngõ Lệnh Cư, Khâm Thiên, Q. Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

65.1 Nhà sản xuất: Celogen Generics Pvt. Ltd *(Đ/c: Plot No. 646/1&2, Agarwal Ind. Estate Somnath Temple Road, Dabhel, Daman- 396 210 U.T. - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
109	Mexams 10	Montelukast (dưới dạng natri	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20744-17

		montelukast) 10mg					
110	Oftofacin 20	Atorvastatin (dưới dạng atorvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20745-17

66. Công ty đăng ký: Contract Manufacturing & Packaging Services *(Đ/c: Unit 1, 2 21/38 Elizabeth street, Wetherill Park, NSW - Australia)*

66.1 Nhà sản xuất: Fredun Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Plot No. 14, 15, 16 Zorabian Industrial Complex, Village Veoor, Tal. Palghar, Thane 401 404 Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
111	Alerday 120	Fexofenadin HCl 120mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP39	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20746-17

67. Công ty đăng ký: Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd. *(Đ/c: Unit 1 & 21, 38 Elizabeth street, Wetherill Park NSW - Australia)*

67.1 Nhà sản xuất: Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd. *(Đ/c: 20-22 Long Street Smithfield NSW 2164 - Australia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
112	Ginkgo 3000	Cao lá ginkgo biloba (tương đương ginkgo flavonglycosid 14,4mg) 60mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Chai 60 viên; Hộp 6 vỉ 15 viên	VN-20747-17

68. Công ty đăng ký: Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do - Korea)*

68.1 Nhà sản xuất: Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
113	Daehwa Acyclovir Cream	Acyclorvir 50mg/1g	Kem bôi da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 5 g	VN-20748-17

69. Công ty đăng ký: Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 244, Galmachi-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do - Korea)*

69.1 Nhà sản xuất: Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnang-eup, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
114	Gomdipin	Oxcarbazepin 600mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20749-17

69.2 Nhà sản xuất: Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 906-10, Sangsin-Ri, Hyangnam-Myeon, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
115	Trimafort	Mỗi gói 10 ml chứa: Gel Nhôm hydroxyd 3030,3mg; Magnesi hydroxyd 800,4 mg ; Simethicon nhũ dịch 30% (tương ứng 80mg Simethicon) 266,7mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 20 gói x 10ml	VN-20750-17

70. Công ty đăng ký: Demo S.A. Pharmaceutical Industry *(Đ/c: 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens - Greece)*

70.1 Nhà sản xuất: Demo S.A. Pharmaceutical Industry *(Đ/c: 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Attiki - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
116	Offipain	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Paracetamol 10mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 24 chai x 100ml	VN-20751-17

71. Công ty đăng ký: Dong Sung Pharm Co., Ltd *(Đ/c: 683, Dobong-ro, Dobong-gu, Seoul - Korea)*

71.1 Nhà sản xuất: BTO Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 70, Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
117	Richron	Rebamipid 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20752-17

71.2 Nhà sản xuất: Pharvis Korea Pharm. Co.,Ltd. *(Đ/c: 127, Sandan-ro 83 Beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
118	Dacses	Diacerhein 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20753-17

71.3 Nhà sản xuất: Withus Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 103, Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
119	Cemixim	Cefdinir 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20754-17

72. Công ty đăng ký: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 1106 Budapest, Keresztúri út, 30-38 - Hungary)*

72.1 Nhà sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 1165 Budapest, Bokényfoldi út 118-120 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
120	Alzepil	Donepezil hydrochloride (dưới dạng Donepezil hydrochloride monohydrat) 5mg	Viên nén bao phim	48 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20755-17

72.2 Nhà sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 9900 Kormend, Mátyás király út, 65 - Hungary; Địa chỉ xuất xưởng: 1165 Budapest, Bokényfoldi út. 118-120 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

121	Meloflam	Meloxicam 15mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 10 viên	VN-20756-17

73. Công ty đăng ký: Enter Pharm Co., Ltd *(Đ/c: 51, Myeongnyun-1-ga, Jongno-gu, Seoul, 110 -521 - Korea)*

73.1 Nhà sản xuất: BTO Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 70, Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
122	Tinosot gel	Isotretinoin 0,5mg/g	Gel bôi da	36 tháng	BP2014	Hộp 1 tuýp 10g	VN-20757-17

74. Công ty đăng ký: Enter Pharm Co., Ltd *(Đ/c: 51, Myeongnyun-1-ga, Jongno-gu, Seoul, 110-521 - Korea)*

74.1 Nhà sản xuất: Hanlim Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 2-27, Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
123	Cefopess 0,5g Inj.	Cefotiam (dưới dạng Cefotiam HCl) 0,5mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP38	Hộp 10 lọ	VN-20758-17

74.2 Nhà sản xuất: Nexpharm Korea Co., Ltd. *(Đ/c: 168-41, Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
124	Amemoin tablet	Methocarbamol 500mg	Viên nén	36 tháng	USP37	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VN-20759-17

74.3 Nhà sản xuất: Withus Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 103, Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
125	Maropol Tab.	Trimebutin maleat 200mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20760-17

74.4 Nhà sản xuất: Young Poong Pharma. Co., Ltd. *(Đ/c: 333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
126	Realdiron Tab.	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20761-17

75. Công ty đăng ký: Ever Neuro Pharma GMBH *(Đ/c: Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee - Austria)*

75.1 Nhà sản xuất: Croma Pharma GmbH *(Đ/c: Industriezeile 6, 2100 Leobendorf - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
127	Go-On	Mỗi bơm tiêm chứa: Natri hyaluronat 25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 bơm tiêm	VN-20762-17

76. Công ty đăng ký: F. Hoffmann-La Roche Ltd. *(Đ/c: Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel - Switzerland)*

76.1 Nhà sản xuất: Roche Farma S.A. *(Đ/c: C/Severo Ochoa 13, Poligono Industrial de Leganes, Madrid, 28914 Leganes - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
128	Cellcept (CS Đóng gói và xuất xưởng: F. Hofmann-La Roche Ltd; địa chỉ: Wurmisweg, CH-4303-Kaiseraugst, Thụy sỹ)	Mycophenolate mofetil 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20763-17

77. Công ty đăng ký: GlaxoSmithKline Pte., Ltd. *(Đ/c: 150 Beach Road, # 21-00 Gateway West, Singapore 189720 - Singapore)*

77.1 Nhà sản xuất: Glaxo Wellcome S.A, *(Đ/c: Avda. de Extremadura no 3, 09400-Aranda de Duero (Burgos) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
129	Zantac Tablets	Ranitidin (dưới dạng ranitidin HCl) 150mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20764-17

77.2 Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd. *(Đ/c: 1061 Mountain Highway Boronia Victoria 3155. - Australia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
130	Ventolin Nebules	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	VN-20765-17

77.3 Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline LLC *(Đ/c: 1011 North Arendell Avenue Zebulon, North Carolina 27597 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
131	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Bột hít phân liều	24 tháng	NSX	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	VN-20766-17
132	Seretide Accuhaler 50/500mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 500mcg	Bột hít phân liều	24 tháng	NSX	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	VN-20767-17

77.4 Nhà sản xuất: UCB Farchin S.A *(Đ/c: ZI de Planchy Chemin de Croix - Blanche 10, 1630 Bulle. - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
133	Zyrtec (đóng gói và xuất xưởng: Aesica Pharmaceuticals S.r.l,	Cetirizin dihydrochlorid 10mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20768-17

	địa chỉ: Via Praglia, 15, 10044 Pianezza (TO), Italy)						

78. Công ty đăng ký: Gracure Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: E-1105 RIICO Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar. (Rajasthan.) - India)*

78.1 Nhà sản xuất: Gracure Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: E-1105 RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi, Alwar. (Rajasthan.) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
134	Grasarta	Losartan kaki 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20769-17

79. Công ty đăng ký: Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd General Pharm. Factory *(Đ/c: No. 109 Xuefu Road, Nangang Dist. Harbin 150086 - China)*

79.1 Nhà sản xuất: Reyoung Pharmaceutical Co. , Ltd *(Đ/c: No 6 Erlangshan Rd, Yiyuan County, Shandong Province - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
135	Esomeprazole Sodium Lyophilized power for injection 40mg	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20770-17

80. Công ty đăng ký: Hawon Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 312, Nonhyeon-ro, Gangnam-gu, Seoul - Korea)*

80.1 Nhà sản xuất: Binex Co., Ltd. *(Đ/c: 368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
136	Toeyecin Ophthalmic Solution	Tobramycin 15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20771-17

80.2 Nhà sản xuất: Tai Guk Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 123, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
137	Tgjamisol Tablet	Doxylamin succinat 25mg	Viên nén	36 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ xé x 10 viên ; hộp	VN-20772-17

						10 vỉ xé x 10 viên	

81. Công ty đăng ký: Hilton Pharma (Pvt) Ltd *(Đ/c: 13, sector 15, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

81.1 Nhà sản xuất: Hilton Pharmaceuticals (Pvt) Ltd *(Đ/c: Plot No. 13, sector 15, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
138	Hitop 100mg Tablets	Topiramate 100mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20773-17

82. Công ty đăng ký: Hyphens Pharma Pte. Ltd *(Đ/c: 138 Joo Seng Road, #03-00, Singapore 368361 - Singapore)*

82.1 Nhà sản xuất: Bausch & Lomb Incorporated *(Đ/c: 8500 Hidden River Parkway, Tampa, Florida 33637 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
139	Besivance	Besifloxacin (dưới dạng besifloxacin hydroclorid) 0,6% (kl/tt)	Hỗn dịch nhỏ mắt	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20774-17

83. Công ty đăng ký: Il Hwa Co., Ltd. *(Đ/c: (Sutaek-dong) 25, Angol-ro 56Beon-gil, Guri-si, Gyeonggi-do - Korea)*

83.1 Nhà sản xuất: JRP Co., Ltd *(Đ/c: 34-40, Jeyakgongdan-2gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
140	Pervein Cap	Diacerein 50 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20775-17

83.2 Nhà sản xuất: KMS Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 236, Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-city, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

141	Getipace	Rabeprazol natri 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20776-17
142	Jectimin Tab	Rabeprazol natri 10mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20777-17

83.3 Nhà sản xuất: Kyongbo Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 174, Sirok-Ro, Asan-Si, Chungcheongnam-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
143	Strecopase Inj. 500mg	Meropenem (dưới dạng hỗn hợp Meropenem và Natri carbonat) 500 mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP38	Hộp 1 lọ	VN-20778-17

83.4 Nhà sản xuất: Theragen Etex Co., Ltd *(Đ/c: 58, Sandan-ro 68 Beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
144	Newomi	Citicolin 500mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 2ml	VN-20779-17

84. Công ty đăng ký: Il-Yang Pharm Co., Ltd *(Đ/c: (Hagal-dong), 110, Hagal-ro, Giheung-gu Yongin-si, Gyeonggi-do - Korea)*

84.1 Nhà sản xuất: Qilu Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: East of Xinluo Avenue, Central Area of high-tech zone, Jinan-250100, Shandong - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
145	Ceftriject	Ceftriaxon (dưới dạng ceftriaxon natri) 1g	Bột pha tiêm	30 tháng	USP39	Hộp 10 lọ	VN-20780-17

85. Công ty đăng ký: Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd. *(Đ/c: 510-517, Shah&Nahar, Industrial Estate, Dr. E, Moses Road, Worli, Mumbai Pin 400018, State Maharashtra - India)*

85.1 Nhà sản xuất: Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd. *(Đ/c: Unit-IV, Kumrek, Rangpo, East Sikkim - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
146	Lipiles-10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium) 10 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20781-17

86. Công ty đăng ký: Intas Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: 2nd Floor, Chinubhai Centre, Off. Nehru Bridge, Ashram Road, Ahmedabad - 380 009 - India)*

86.1 Nhà sản xuất: Intas Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: Plot Numbers 457 and 458, Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, In-382210 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
147	Intagra 100	Sildenafil (dưới dạng Sidenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20782-17

87. Công ty đăng ký: Janssen - Cilag Ltd. *(Đ/c: 106 Moo 4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet Lad, Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)*

87.1 Nhà sản xuất: Janssen Cilag Manufacturing LLC *(Đ/c: State Road 933 KM 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico - Mỹ)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
148	Concerta (Cơ sở đóng gói: AndersonBrecon Inc., địa chỉ: 4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, Mỹ; Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng thành phẩm: Janssen Ortho LLC, đ/c: State Road 933 KM 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, Mỹ)	Methylphenidate hydrochloride 27mg	Viên nén phóng thích kéo dài	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-20783-17

88. Công ty đăng ký: Janssen Cilag Ltd. *(Đ/c: 106 Moo 4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet Lad, Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)*

88.1 Nhà sản xuất: Olic (Thailand) Limited *(Đ/c: 166 Bangpa-In Industrial Estate, Udomsorayuth Road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-In, Ayutthaya 13160 - Thailand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
149	Motilium	Domperidon 1mg/ml	Hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 30ml, 60ml	VN-20784-17
150	Sporal	Itraconazol 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20785-17

89. Công ty đăng ký: JW Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 2477, Nambusunhwan-ro, Seocho-gu, Seoul - Korea)*

89.1 Nhà sản xuất: JW Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 56 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
151	Finiod	Finasterid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP37	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20786-17

90. Công ty đăng ký: Kolmar Pharma Co., Ltd *(Đ/c: 93 Biovalley2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

90.1 Nhà sản xuất: Kolmar Korea *(Đ/c: 245, Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
152	Buloxdine	Mỗi 5 ml chứa: Ibuprofen 0,1g	Hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 30 gói x 5 ml	VN-20787-17

91. Công ty đăng ký: Korea Prime Pharm. Co., Ltd *(Đ/c: (Daein-dong), 211, Jungang-ro, Dong-gu, Gwangju - Korea)*

91.1 Nhà sản xuất: Korea Prime Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-Gun, Jeollabuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
153	Bonpile soft cap	Isotretinoin 10mg	Viên nang mềm	36 tháng	USP37	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20788-17
154	Elpertone	Erdosteine 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20789-17
155	Neffrole	Rabeprazole natri 20mg	Viên nén bao tan ở ruột	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20790-17

92. Công ty đăng ký: Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 174, Silok-Ro, Asan-Si, Chungcheongnam-Do - Korea)*

92.1 Nhà sản xuất: Korea Arlico Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
156	Chung-na tablet	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	VN-20791-17

93. Công ty đăng ký: Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 174, Sirok-ro, Asan-Si, Chungcheongnam-do, 336-020 - Korea)*

93.1 Nhà sản xuất: Tai Guk Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 821, Geumbaek-ro, Chochon-myeon, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
157	Tglabelria Cream	Mometason furoat 15mg/15g	Kem bôi da	24 tháng	USP 38	Hộp 1 tuýp 15g	VN-20792-17

94. Công ty đăng ký: Laboratoire Aguettant S.A.S *(Đ/c: Parc Scientifique Tony Garnier, 1 Rue Alexander Fleming, 69007 Lyon - France)*

94.1 Nhà sản xuất: Laboratoire Aguettant *(Đ/c: Lieu-Dit "Chantecaille" - 07340 Champagne - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
158	Ephedrine Aguetant 30mg/10ml	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Ephedrin hydroclorid 30mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 10ml	VN-20793-17

95. Công ty đăng ký: Laboratorios Bago S.A *(Đ/c: Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja. Provincia de La Rioja - Argentina)*

95.1 Nhà sản xuất: Laboratorios Bago S.A *(Đ/c: Bernardo de Irigoyen No. 248 Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
159	Trifamox IBL 750	Mỗi lọ chứa: Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat) 500mg; Sulbactam (dưới dạng sulbactam sodium) 250mg	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột; Hộp 1 lọ bột kèm 1 ống nước cất pha tiêm 5ml	VN-20794-17

96. Công ty đăng ký: Lek Pharmaceuticals d.d, *(Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)*

96.1 Nhà sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d. *(Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
160	Losartan HCT-Sandoz	Losartan kaki 50mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20795-17

97. Công ty đăng ký: Les Laboratoires Servier *(Đ/c: 50 rue Carnot, 92284 Suresnes Cedex - France)*

97.1 Nhà sản xuất: Les Laboratoires Servier Industrie *(Đ/c: 905, Route de Saran, 45520 Gidy - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
161	Diamicron MR 60mg	Gliclazide 60mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-20796-17

98. Công ty đăng ký: Macleods Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 304, Atlanta Arcade, Marol Church Road, Andheri (East) Mumbai - 400 059 - India)*

98.1 Nhà sản xuất: Macleods Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Plot No. 25-27, Survey No. 366, Premier Industrial Estate, Kachigam, Daman - 396210 (U.T) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
162	Lamivudine Tablets 150mg	Lamivudine 150mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 60 viên	VN-20797-17

163	Macnir	Eperison hydrochlorid 50mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20798-17
164	Zilamac 100	Cilostazol 100mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20799-17

99. Công ty đăng ký: Medana Pharma S.A. *(Đ/c: 10, Wladyslawa Lokietka Str., 98-200 Sieradz - Poland)*

99.1 Nhà sản xuất: Medana Pharma S.A. *(Đ/c: 10, Wladyslawa Lokietka, 98-200 Sieradz - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
165	Biseptol	Mỗi 5ml chứa: Sulfamethoxazol 200mg; Trimethoprim 40mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 80ml	VN-20800-17

100. Công ty đăng ký: Medochemie Ltd. *(Đ/c: 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol - Cyprus)*

100.1 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd- nhà máy thuốc tiêm ống *(Đ/c: 48 Iapetou street., Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
166	Medsamic 250mg/5ml	Mỗi 5ml dung dịch chứa: Acid tranexamic 250mg	Dung dịch tiêm	60 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 5 ống	VN-20801-17

100.2 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd. - Factory C *(Đ/c: 2, Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
167	Zepilen 1g	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri) 1g	Bột pha tiêm	30 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20802-17

100.3 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd.- central Factory *(Đ/c: 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
168	Benzilum 10mg	Domperidon 10mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20803-17
169	Sumiko	Paroxetin (dưới dạng Paroxetin hydroclorid) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20804-17

101. Công ty đăng ký: Mega Lifesciences Public Company Limited *(Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280 - Thailand)*

101.1 Nhà sản xuất: Inventia Healthcare Pvt. Ltd. *(Đ/c: F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C. Ambernath (East), Thane 421 506, Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
170	Barole 20	Natri rabeprazole 20mg	Viên nang cứng dưới dạng vi hạt tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VN-20805-17
171	Perglim M-1	Glimepiride 1mg; Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén phóng thích chậm	24 tháng	NSX	Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 1 vỉ 20 viên	VN-20806-17
172	Perglim M-2	Glimepiride 2mg; Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén phóng thích chậm	24 tháng	NSX	Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 1 vỉ 20 viên	VN-20807-17

102. Công ty đăng ký: Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd. *(Đ/c: Flat/RM 1401 A&B 14/F & 27/F., Lee Garden Two, 28 Yun Ping Road, Causeway Bay - Hong Kong)*

102.1 Nhà sản xuất: Frosst Iberica S.A. *(Đ/c: Via Complutense, 140, 28805 Alcalá de Henares, Madrid - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
173	Arcoxia 120mg (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington,	Etoricoxib 120mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20808-17

	Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))						
174	Arcoxia 60mg (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	Etoricoxib 60mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20809-17
175	Arcoxia 90mg (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	Etoricoxib 90mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20810-17

102.2 Nhà sản xuất: Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret *(Đ/c: Route de Marsat, RIOM 63963, Clermont - Ferrand Cedex 9 - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
176	Cancidas	Caspofungin 50mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20811-17

102.3 Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Ltd. *(Đ/c: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland NE23 3JU - UK)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
177	Hyzaar 50mg/12.5mg	Losartan potassium 50mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20812-17
178	Zocor 20mg	Simvastatin 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-20813-17

102.4 Nhà sản xuất: Patheon Manufaturing Services LLC *(Đ/c: 5900 Martin Luther King, Jr. Highway Greenville, North Carolina 27834 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
179	Singulair (đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme Corp, USA; Đóng gói cấp 2: Merck Sharp & Dohme B.V.Hà Lan)	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Cốm uống	24 tháng	NSX	Hộp 28 gói	VN-20814-17

102.5 Nhà sản xuất: Schering-Plough Labo N.V. *(Đ/c: Industriepark 30, B-2220, Heist-op-den-Berg - Belgium)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
180	Diprosalic Ointment	Mỗi gam thuốc chứa: Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat) 0,5mg; Salicylic acid 30mg	Thuốc mỡ	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 15g	VN-20815-17

103. Công ty đăng ký: Mi Pharma Private Limited *(Đ/c: B-2103, Tharwani, Palm Beach Road, Sanpada, Navi Mumbai - 400705, Maharashtra - India)*

103.1 Nhà sản xuất: Agila Specialties Pvt. ltd. *(Đ/c: 19A, Plot No. 284-B/1, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore-560105 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
181	Vancomycin hydrocloride powder for solution for injection 500mg	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 500mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20816-17

103.2 Nhà sản xuất: MSN Laboratories Limited *(Đ/c: Formulation Division, Plot No 42, Anrich industrial Estate, Bollaram, Medak District - 502325, Telangana - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
182	Safetelmi H	Telmisartan 40mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20817-17
183	Safetelmi H 80/12.5	Telmisartan 80mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20818-17

104. Công ty đăng ký: Micro Labs Limited *(Đ/c: No.27, Race Course Road, Bangalore 560 001 - India)*

104.1 Nhà sản xuất: Micro Labs Limited *(Đ/c: 92, Sipcot, Hosur - 635 126, Tamil Nadu - India - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
184	Angizaar-H	Losartan potassium 50mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20819-17
185	Raxnazole	Itraconazol 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20820-17
186	Vasulax-10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20821-17
187	Vasulax-20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20822-17
188	Vasulax-5	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20823-17

104.2 Nhà sản xuất: Micro Labs Limited *(Đ/c: Plot No. 16, Veerasandra Industrial Area Veerasandra. Bangalore - 560 100 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
189	Xilavic - 625	Amoxicilin (dưới dạng amoxicillin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20824-17

105. Công ty đăng ký: Nabiqasim Industries (Private) Limited *(Đ/c: 509-510, 5th floor, Commerce Centre, Hasrat Mohani Road, Karachi - Pakistan)*

105.1 Nhà sản xuất: Nabiqasim Industries (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 17/24, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
190	Lungair 5mg	Montelukast (dưới dạng montelukast natri) 5mg	Viên nhai	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20825-17

106. Công ty đăng ký: Novartis (Singapore) Pte Ltd *(Đ/c: 10 Collyer Quay, # 10-01, Ocean Financial Centre Singapore (049315) - Singapore)*

106.1 Nhà sản xuất: Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG *(Đ/c: Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
191	Gemcitabin "Ebewe"	Gemcitabin (dưới dạng Gemcitabin hydrochlorid) 10mg/ml	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 100 ml	VN-20826-17
192	Mitoxantron "ebewe"	Mỗi 10 ml dung dịch chứa: Mitoxantron (dưới dạng Mitoxantron hydroclorid) 20mg	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 10 ml	VN-20827-17
193	Mitoxantron "ebewe"	Mỗi 5 ml dung dịch chứa: Mitoxantron (dưới dạng Mitoxantron hydroclorid) 10mg	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20828-17
194	Vinorelbin "Ebewe"	Mỗi ml dung dịch chứa: Vinorelbin (dưới dạng Vinorelbin tartrat) 10mg/ml	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 1 ml	VN-20829-17

106.2 Nhà sản xuất: Hermes Arzneimittel GmbH *(Đ/c: Hans-Urmiller-Ring 52, 82515 Wolfratshausen - Đức)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
195	Acc Pluzz 200 (Cơ sở xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH; địa chỉ: Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Đức)	Acetylcystein 200mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 2 viên	VN-20830-17
196	Acc Pluzz 600 (Cơ sở xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH; địa chỉ: Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Đức)	Acetylcystein 600mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VN-20831-17

106.3 Nhà sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d, *(Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
197	Kineptia 1g	Levetiracetam 1000mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20832-17
198	Kineptia 250mg	Levetiracetam 250mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20833-17
199	Kineptia 500mg	Levetiracetam 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20834-17
200	Kineptia 750mg	Levetiracetam 750mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20835-17

106.4 Nhà sản xuất: Sandoz GmbH *(Đ/c: Biochemiestrasse 10, 6250 Kundl - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
201	Biodroxil 500mg	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 12 viên. Hộp 100 vỉ x 10 viên	VN-20836-17

107. Công ty đăng ký: Novartis Pharma Services AG *(Đ/c: Lichtstrasse 35, 4056 Basel - Switzerland)*

107.1 Nhà sản xuất: s.a. Alcon-Couvreur N.V *(Đ/c: Rijksweg 14, 2870 Puurs - Belgium)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
202	Betoptic S	Mỗi ml hỗn dịch nhỏ mắt chứa: Betaxolol (dưới dạng Betaxolol hydrochlorid) 2,5mg	Hỗn dịch nhỏ mắt vô trùng	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20837-17

107.2 Nhà sản xuất: Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH *(Đ/c: Herderstrasse 2, 83512 Wasserburg - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
203	Desferal	Desferrioxamine methane sulfonate (Desferrioxamine mesylat/ Deferoxamine mesylat) 500mg	Bột pha dung dịch tiêm	18 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20838-17

108. Công ty đăng ký: Novo Nordisk A/S *(Đ/c: Novo Alle, DK-2880 Bagsvaerd - Denmark)*

108.1 Nhà sản xuất: Novo Nordisk A/S *(Đ/c: Novo Alle, DK-2880 Bagsvaerd - Denmark)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
204	Vagifem	Estradiol (dưới dạng estradiol hemihydat) 10mcg	Viên nén đặt âm đạo	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 4 vỉ x 6 viên	VN-20839-17

109. Công ty đăng ký: Pfizer (Thailand) Ltd. *(Đ/c: Floor 36, 37 United Center Building, 323 Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500 - Thailand)*

109.1 Nhà sản xuất: Actavis Italy S.p.A *(Đ/c: Vial Pasteur, 10 - 20014 - Nerviano (MI) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
205	Farmorubicina	Epirubicin hydrocloride 10mg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 5ml	VN-20840-17
206	Farmorubicina	Epirubicin	Bột đông	48	NSX	Hộp 1 lọ bột	VN-20841-17

		hydrocloride 50mg	khô pha tiêm	tháng		đông khô pha tiêm	

109.2 Nhà sản xuất: Fareva Amboise *(Đ/c: Zone Industrielle, 29 route des Industries 37530, Poce sur Cisse, - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
207	Diflucan IV	Fluconazole 200mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	60 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 100ml	VN-20842-17

109.3 Nhà sản xuất: Haupt Pharma Latina S.r.l *(Đ/c: Borgo San Michele S.S 156 Km 47,600-04100 Latina (LT) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
208	Unasyn	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g; Ampicilin (dưới dạng Ampiccilin Natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm, truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20843-17
209	Unasyn	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylate dihydrate) 750mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ 4 viên	VN-20844-17
210	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ X 3 viên	VN-20845-17

109.4 Nhà sản xuất: Hospira Australia Pty Ltd *(Đ/c: 1-5, 7-23 and 25-39 Lexia Place, Mulgrave VIC 3170 - Australia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
211	Anzatax 100mg/16,7ml	Paclitaxel 100mg/16,7ml	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 16.7 ml	VN-20846-17
212	Anzatax 150mg/25ml	Paclitaxel 150mg/25ml	Dung dịch đậm đặc pha	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 25 ml	VN-20847-17

			dung dịch tiêm truyền				
213	Anzatax 30mg/5ml	Paclitaxel 30mg/5ml	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-20848-17

110. Công ty đăng ký: Pharmaceutical Works Jelfa S.A. *(Đ/c: 21, W. Pola Street, 58-500 Jelenia Gora - Poland)*

110.1 Nhà sản xuất: Pharmaceutical Works Jelfa S.A. *(Đ/c: 21, W. Pola Street, 58-500 Jelenia Gora - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
214	Flucinar Ointment	Fluocinolon acetonid 0,25mg/g	Thuốc mỡ bôi da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 15g	VN-20849-17

111. Công ty đăng ký: Pharmaceutical Works Polpharma S.A. *(Đ/c: Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski - Poland)*

111.1 Nhà sản xuất: Medana Pharma S.A. *(Đ/c: 57, Polskiej Organizacji Wojskowej, 98-200 Sieradz - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
215	Pyrantelum Medana (Xuất xưởng: Medana Pharma S.A.; đ/c: 98-200 Sieradz, Wladyslawa Lokietka 10- Poland)	Mỗi 15ml chứa: Pyranten (dưới dạng pyranten embonat) 750mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 15ml	VN-20850-17

111.2 Nhà sản xuất: Pharmaceutical Works Polpharma S.A. *(Đ/c: 05-850 Ozarow Mazowiecki, 28/30 Ozarowska Street - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
216	Biocetum	Ceftazidim (dưới dạng ceftazidim pentahydrat) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20851-17

112. Công ty đăng ký: Pharmix Corporation *(Đ/c: 1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul - Korea)*

112.1 Nhà sản xuất: Guju Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 314-1, Jegi-Ri, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
217	Diacera Capsule	Diacerhein 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20852-17

112.2 Nhà sản xuất: Kyung Dong Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 535-3, Daeyang-Li, Yanggam-Myun, Hwasung-Si, Kyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
218	Pidoson Tab	Eperisone Hydrochloride 50 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	NSX	Chai 100 viên	VN-20853-17

113. Công ty đăng ký: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories *(Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962 - Indonesia)*

113.1 Nhà sản xuất: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories *(Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962 - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
219	Cholinaar	Citicolin (dưới dạng citicolin natri) 250mg/2ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 ống 2ml	VN-20854-17
220	Cholinaar	Citicolin (dưới dạng citicolin natri) 500mg/ 4ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 5 ống 4ml	VN-20855-17
221	Fluxar	Fluconazol 2mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100ml	VN-20856-17
222	Ondanov 4mg Injection	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat) 4mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 5 ống 2ml	VN-20857-17
223	Ondanov 4mg Tablet	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat) 4mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ xé x 6 viên	VN-20858-17
224	Ondanov 8mg Injection	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 5 ống 4ml	VN-20859-17

		hydroclorid dihydrat) 8mg/4ml					
225	Ondanov 8mg Tablet	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat) 8mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ xé x 6 viên	VN-20860-17
226	Velcox	Meloxicam 15mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20861-17

114. Công ty đăng ký: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk *(Đ/c: Bunsenstrasse 4, D-22946 Trittau - Germany)*

114.1 Nhà sản xuất: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk *(Đ/c: Bunsenstrasse 4, D-22946 Trittau - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
227	Midazolam Rotexmedica 5mg/ml	Midazolam 5mg/ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 1ml	VN-20862-17

115. Công ty đăng ký: S.I.A (Tenamyd Canada) Inc *(Đ/c: 242, Varry Street, St. Laurent, Quebec, H4N1A3 - Canada)*

115.1 Nhà sản xuất: Medopharm Pvt. Ltd. *(Đ/c: No 50, Kayarambedu Village, Guduvanchery 603 202, Tamil Nadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
228	Cledomox 1000	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2016	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20863-17

116. Công ty đăng ký: SM Biomed Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 90, Sungai Petani Industrial Estate, 08000, Sungai Petani, Kedah - Malaysia)*

116.1 Nhà sản xuất: Medreich Limited *(Đ/c: 12th Mile, Old Madras road, Virgonagar,Bangalore-560 049 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
229	Duclacin 375	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2015	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20864-17

		trihydrat) 250mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Clavulanate kali) 125mg					

117. Công ty đăng ký: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. *(Đ/c: Acme Plaza, Andheri - Kurla Road., Andheri (East) Mumbai 400 059 - India)*

117.1 Nhà sản xuất: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. *(Đ/c: Halol-Baroda Highway, Halol-389 350, Dist. Panchmahal, Gujarat State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
230	Sunzobone	Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat) 4mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20865-17

117.2 Nhà sản xuất: Unimed Technologies Ltd *(Đ/c: Survey No. 22 & 24, Village-Ujeti, Post-Baska, Tal. Halol, Dist: Panchmahal - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
231	Winolap DS	Olopatadine (dưới dạng Olopatadine Hydrochloride) 5mg/2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 2,5ml	VN-20866-17

118. Công ty đăng ký: Synmedic Laboratories *(Đ/c: 202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar, East of Kailash, New Delhi-110065. - India)*

118.1 Nhà sản xuất: Synmedic Laboratories *(Đ/c: 106-107, HSIDC Industrial Estate, Sec-31, Faridabad- 121 003 Haryana - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
232	Cyprtin	Cyproheptadin hydroclorid (khan) 4mg	Viên nén không bao	36 tháng	BP 2015	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20867-17
233	Lonlor	Loratadin 10 mg	Viên nén	36 tháng	USP 38	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20868-17
234	Syngly-4mg	Glimepirid 4mg	Viên nén	36 tháng	USP 37	Hộp lớn chứa 5 hộp nhỏ x 2 vỉ	VN-20869-17

						x 10 viên	
235	Ul-Fate	Sucrafat 1g	Viên nén nhai không bao	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20870-17

119. Công ty đăng ký: Tarchomin Pharmaceutical Works Polfa S.A. *(Đ/c: 2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw - Poland)*

119.1 Nhà sản xuất: Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A. *(Đ/c: 2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
236	Tarcefoksym	Cefotaxim (dưới dạng cefotaxim sodium) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20871-17

120. Công ty đăng ký: Tedis *(Đ/c: 8 bis, rue Colbert- ZAC Montavas 91320 Wissous - France)*

120.1 Nhà sản xuất: Catalent Italy S.p.A. *(Đ/c: Via Nettunense Km 20.100 04011 Aprilia - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
237	Lomexin	Fenticonazol nitrat 1000mg	Viên nang mềm đặt âm đạo	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 2 viên	VN-20872-17
238	Lomexin	Fenticonazol nitrat 200mg	Viên nang mềm đặt âm đạo	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 6 viên	VN-20873-17

121. Công ty đăng ký: U Square Lifescience Private Ltd. *(Đ/c: B-804, Premium House, Nr. Gandhigram Station, Off. Ashram Road, Ahmedabad-380009, Gujarat - India)*

121.1 Nhà sản xuất: M/S Health Biotech Limited *(Đ/c: Nalagarh Road Baddi, Distt. Solan, (H.P) 173205 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
239	Ofreal	Ciprofloxacin 3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	USP38	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20874-17
240	Sagacid	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20875-17

		40mg					

121.2 Nhà sản xuất: M/S Health Biotech Limited *(Đ/c: Near Dream Hotel, Nalagarh Road Baddi, Distt. Solan, (H.P) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
241	Vistorax	Tobramycin 3mg/1ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	USP38	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20876-17

121.3 Nhà sản xuất: Yash Medicare Pvt. Ltd., *(Đ/c: Near Sabar Dairy, Talod Road, Po. Hajipur, Tal: Himatnagar, City: Hajipur-383006, Dist: Sabarkantha, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
242	Vertucid	Mỗi 15g gel chứa: Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat) 150mg; Adapalen 15mg	Gel dùng ngoài	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 15g	VN-20877-17

122. Công ty đăng ký: Vipharco *(Đ/c: 4, rue Galvani 91300 Massy - France)*

122.1 Nhà sản xuất: Panpharma *(Đ/c: Z.I. du Clairay - Luitre 35133 Fougeres. - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
243	Cefuroxime Panpharma	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10, 25, 50 lọ	VN-20878-17

123. Công ty đăng ký: Warsawzawskie Zaklady Farmaceutyczne Polfa Spolka Akcyjna *(Đ/c: ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw - Poland)*

123.1 Nhà sản xuất: Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. *(Đ/c: Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw. - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
244	Bupivacaine wpw spinal 0,5% heavy	Bupivacain hydroclorid 5mg/ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 5 ống 4ml	VN-20879-17

124. Công ty đăng ký: Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 3, 5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Bangi, Selangor Darul Ehsan - Malaysia)*

124.1 Nhà sản xuất: Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 3, 5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Bangi, Selangor Darul Ehsan - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
245	Swecon Suspension 100mg/ml	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa: Hydrotalcit 100mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	hộp 1 lọ x 100ml	VN-20880-17

125. Công ty đăng ký: Yunnan Baiyao Group Co., Ltd. *(Đ/c: State High & New Technology Zone, Kunming, Yunnan - China)*

125.1 Nhà sản xuất: Yunnan Baiyao Group Co., Ltd. *(Đ/c: No. 3686 Yunnan Baiyao Street, Chenggong District, Kunming, Yunnan - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
246	Cung huyết ninh	Cao Rhizoma Paridis (tương đương 0,52mg Rhizoma Paridis Saponin VI) 104mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 18 viên	VN-20881-17

PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ,
ĐIỀU HÀNH CỤC

BỘ Y TẾ CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Trương Quốc Cường
Thứ trưởng Bộ Y tế